

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HS-PT

Ngày: 16/01/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Lý, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1193/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lê Đắc K do có kháng cáo của người bị hại Lê Duy M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2023/HS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Bị cáo bị kháng cáo: Lê Đắc K, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1970 tại Bắc Ninh; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đắc L (đã chết) và bà Đỗ Thị T; có vợ là: Nguyễn Thị Ánh N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2023 đến ngày 23/06/2023 được thay thế bằng biện pháp "Bảo lãnh", hiện tại ngoại. Có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo: Ông Lê Duy M, sinh năm 1971, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị kháng cáo:

1. Ông Lê Đắc Y, sinh năm 1947. Vắng mặt

2. Ông Hoàng Kim T1, sinh năm 1955. Có mặt

3. Ông Lê Đăng L1, sinh năm 1950. Có mặt

4. Ông Lê Đắc H, sinh năm 1964. Có mặt

5. Ông Lê Quang H1, sinh năm 1949. Có mặt
6. Ông Hoàng Như N1, sinh năm 1963. Có mặt
7. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962. Có mặt

Đều trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra trong vụ án còn có 03 bị cáo khác và 60 người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008 Nhà nước triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới Quốc lộ 3 (Viết tắt QL3) tuyến Hà Nội - Thái Nguyên. Để thực hiện dự án Nhà nước có chủ trương thu hồi đất nông nghiệp của các địa phương QL3 Hà Nội - Thái Nguyên đi qua. Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, ngày 10/3/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh có Công văn số 299/UBND giao cho UBND huyện Y làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc dự án xây dựng QL3. Ngày 14/4/2008, UBND huyện Y ra Thông báo số 10/TB-UB về kế hoạch thu hồi đất tại địa bàn các xã T, V, Y, T3 thuộc huyện Y để triển khai thực hiện dự án.

Để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ngày 14/5/2008, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 754/QĐ-CT thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng thi công QL3 (Viết tắt: HĐBT QL3) gồm 11 người đại diện cho các ban, ngành theo quy định và ban hành Quyết định số 755/QĐ-CT thành lập Ban Quản lý Tiểu dự án thuộc HĐBT QL3 (Viết tắt: BQL dự án). BQL dự án có 10 thành viên, trong đó: Nguyễn Văn Đ - Trưởng phòng Công Thương, làm Trưởng ban; Vũ Văn N2 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, làm Phó ban; Nguyễn Trung D - Chuyên viên, phụ trách địa bàn xã T cùng một số cán bộ chuyên môn khác của UBND huyện Y làm thành viên. Theo đó, BQL dự án có nhiệm vụ: Giúp chủ đầu tư và HĐBT QL3 huyện Y thực hiện việc hướng dẫn, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; quản lý Tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc dự án xây dựng QL3 mới trên địa bàn huyện Y; lưu trữ hồ sơ và các công việc khác của HĐBT QL3; được phép mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện Y và sử dụng con dấu của Phòng Công thương để giao dịch thực hiện.

Để giúp HĐBT QL3 thực hiện việc giải phóng mặt bằng và bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, UBND huyện Y thành lập các Tổ bồi thường hỗ trợ

và tái định cư giải phóng mặt bằng thi công QL3 tại các xã có đất bị thu hồi (Viết tắt: Tổ bồi thường).

Ngày 28/6/2008, HĐBT QL3 ký hợp đồng thuê Công ty cổ phần T13 (Viết tắt: Công ty T13) tiến hành đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập bảng thống kê diện tích đất bị thu hồi và hồ sơ kỹ thuật của từng thửa đất, phục vụ công tác lập hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng, đồng thời yêu cầu chính quyền các thôn, UBND các xã có đất bị thu hồi có trách nhiệm phối hợp với Công ty mở rà soát, cung cấp thông tin, số liệu để xác định chủ sử dụng đối với các diện tích đất bị thu hồi.

Quá trình thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường QL3 mới trên địa bàn huyện Y đã xảy ra sai phạm, cụ thể như sau:

1. Hành vi sai phạm đối với việc bồi thường, hỗ trợ diện tích đất tạm giao xảy ra tại xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 07/7/2008, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1199/QĐ-CT thành lập Tổ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng thi công QL3 thuộc xã T (Viết tắt: Tổ bồi thường xã T), thành phần gồm:

1. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1963, HKTT: Thôn N, xã T, huyện Y, Chủ tịch UBND xã T - Tổ trưởng;

2. Lê Đắc K, sinh năm 1970, HKTT: thôn Đ, xã T, huyện Y, Phó Chủ tịch UBND xã - Tổ phó;

3. Các thành viên gồm: Nguyễn Đắc H2, sinh năm 1980, HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện Y, Cán bộ địa chính xã ;

4. Chu Mạnh H3 - Cán bộ giao thông xã;

5. Nguyễn Văn T5 - Kế toán ngân sách xã;

6. Trần Công T6 - Trưởng thôn Đ1;

7. Lê Duy T7 - Kế toán thôn Đ;

8. Nguyễn Văn M1 - Trưởng thôn Như N3;

9. Ngô Thị T8 - Kế toán thôn N;

10. Lê Danh L2 - Trưởng thôn Đông

11. Lê Đắc Y - Kế toán thôn Đ.

Tổ bồi thường xã T có nhiệm vụ: “*Tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thực hiện việc kiểm đếm, xác nhận hồ sơ đất đai, tài sản của tổ chức, cá nhân (người) bị thu hồi đất trên địa bàn xã; Phối hợp và tạo điều kiện cho việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí*

tái định cư cho người bị thu hồi đất, tạo điều kiện cho việc giải phóng mặt bằng; Thực hiện các nhiệm vụ công tác theo sự phân công của HĐBT QL3 huyện Y. Các thành viên tổ bồi thường xã T được hưởng chế độ chính sách phụ cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước, tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ”.

Sau khi ký hợp đồng với HĐBT QL3, Công ty T13 đã phối hợp với cán bộ địa chính các xã; cán bộ các thôn gồm: Các Trưởng thôn, Chủ nhiệm Hợp tác xã (HTX), cán bộ theo dõi ruộng đất của thôn và một số ông, bà trong BQL có đất bị thu hồi triển khai việc cắm mốc, đo đạc trên thực địa, xác định chủ sử dụng của từng thửa đất bị thu hồi để lập bản đồ địa chính, lập bảng thống kê diện tích đất bị thu hồi có tên chủ sử dụng thực tế và lập hồ sơ kỹ thuật của từng thửa đất bị thu hồi trên địa bàn các xã. Thực hiện xong các công việc trên, Công ty T13 xác lập bản đồ địa chính với tỷ lệ 1/500, sau đó trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh phê duyệt. Về hồ sơ kỹ thuật thửa đất sau khi hoàn thiện, Công ty T13 in ra để các hộ dân và Trưởng thôn, cán bộ địa chính xã, Chủ tịch UBND xã, đại diện Công ty mở cùng kiểm tra và ký xác nhận.

Tháng 2/2009 Công ty T13 tiến hành bàn giao tài liệu việc thực hiện đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất giải phóng mặt bằng.

Tháng 3/2009, Ban Quản lý tiểu dự án phối hợp cùng UBND xã T và chính quyền các thôn có đất bị thu hồi tiến hành đối chiếu rà soát danh sách, diện tích đất, nguồn gốc đất, loại đất bị thu hồi và lập biên bản kiểm kê đo đạc đất nông nghiệp xác định cụ thể chủ sử dụng, diện tích đất, loại đất và tài sản trên đất để phục vụ công tác lập hồ sơ thu hồi đất và phương án bồi thường. Trên cơ sở kết quả đo đạc của Công ty T13, qua đối chiếu, rà soát nguồn gốc đất, loại đất bị thu hồi xác định: Thôn Đ có 83 thửa đất tạm giao, trong đó có 73 thửa đất được quy chủ là các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thực tế và 10 thửa đất được quy chủ là “UBND xã quản lý”. Thôn Đ có 43 thửa đất tạm giao bị thu hồi, trong đó có 10 hộ gia đình cá nhân chủ sử dụng đất thực tế, số còn lại là diện tích đất hoang hoá vô chủ. Thôn N không có đất tạm giao bị thu hồi. Sau khi rà soát, đối chiếu có kết quả như trên thì danh sách do Công ty mở lập được rà soát, đối chiếu nhiều lần. Nguyễn Đắc H2 với chức trách, nhiệm vụ là cán bộ địa chính xã, thành viên Tổ bồi thường, quản lý đất đai tại xã T đã phối hợp thực hiện đối chiếu sổ sách địa chính, xác nhận quy chủ sử dụng đất báo cáo Nguyễn Văn T4 - Chủ tịch xã T ký xác nhận đại diện UBND xã trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi; ký tờ trình, hồ sơ bồi thường chi tiết làm căn cứ cho Ban Quản lý Tiểu dự án, HĐBT QL3 lập danh sách, hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường trình cấp trên phê duyệt và chi trả tiền bồi thường. Sau đó, Ban quản lý tiểu dự án, đại diện là Nguyễn Văn Đ - Trưởng ban đã ký biên bản nghiệm thu kết quả do Công ty mở thực hiện, bao gồm các tài liệu: Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 phục vụ kiểm đếm bồi thường (theo xã); Bảng thống kê tổng hợp chi tiết

diện tích đất bị thu hồi có tên của chủ sử dụng thực tế và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (theo xã) có đầy đủ chữ ký của các thành phần nêu trên, để làm căn cứ triển khai công tác lập hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng.

Theo quy định của pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất đối với diện tích đất công ích (đất tạm giao):

- Tại điều 31 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn: *“Trường hợp đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ; mức hỗ trợ cao nhất có thể bằng mức bồi thường; mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách Nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường thị trấn”*.

- Tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bồi thường đất nông nghiệp: *“Trường hợp đất thu hồi là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì không được bồi thường về đất, người thuê đất công ích của xã, phường, thị trấn được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại”*.

- Tại điều 5 Quyết định số 171/2009/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Ninh quy định hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn:

“1. Quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) khi Nhà nước thu hồi đất được hỗ trợ theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Hỗ trợ cụ thể quy định như sau:

...

c. Tiền hỗ trợ từ đất thu hồi trả cho ngân sách cấp xã 70% giá trị, bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% trả cho người đang sử dụng đất.

....`

Người đang sử dụng đất công ích còn được bồi thường thiệt hại về tài sản, hoa màu trên đất theo quy định).

2. Tiền hỗ trợ trả cho ngân sách cấp xã (sau khi đã trừ phần bồi thường giá trị chi phí đầu tư vào đất cho người đang sử dụng đất) chỉ được sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn”.

Như vậy, theo quy định của tại Điều 5 Quyết định số 171 nêu trên thì khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn: *70% tiền hỗ trợ về đất sẽ được chi trả cho ngân sách UBND xã T, còn 30% tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất + tiền bồi thường thiệt hại về hoa màu trên đất (9.000 đồng/m² - Đơn giá do Nhà nước quy định và được phê duyệt) sẽ được chi trả cho người đang sử dụng đất thực tế (hộ gia đình hoặc cá nhân)*. Nếu chủ sử dụng đất tạm giao là HTX thì tập thể thôn, HTX sẽ không được nhận số tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 30% + tiền bồi thường hoa màu trên đất (9.000 đồng/m²).

Do đó tại cuộc họp triển khai công tác bồi thường tại UBND xã T vào đầu năm 2009, thành phần gồm có: Nguyễn Văn Đ - Trưởng Ban Q dự án chủ trì; ông Nguyễn Trung D, chuyên viên phòng T12 được giao phụ trách xã T họp cùng các thành viên trong Tổ bồi thường xã T. Thành phần UBND xã gồm: Nguyễn Văn T4 - Chủ tịch xã T, Lê Đắc K - Phó Chủ tịch xã T, Nguyễn Đắc H2 - Cán bộ địa chính xã, Nguyễn Văn T5 - Kế toán ngân sách xã. Thành phần thôn gồm: Bí thư thôn, Trưởng thôn, Chủ nhiệm HTX và Kế toán thôn của 3 thôn có đất bị thu hồi là thôn Đ, thôn Đ và thôn N thuộc xã T. Tại cuộc họp này Lê Danh L2 - Trưởng thôn, kiêm Chủ nhiệm HTX thôn Đ và ông Trần Công T6 - Trưởng thôn Đ1 đã đề nghị với Ban quản lý Tiểu dự án: *Đối với diện tích đất tạm giao bị thu hồi do HTX thôn quản lý đề nghị Ban Quản lý Tiểu dự án chi trả tiền bồi thường cho thôn để lấy kinh phí cho địa phương*. Ông Nguyễn Văn Đ - Trưởng ban quản lý Tiểu dự án QL3 chủ trì cuộc họp phát biểu chỉ đạo *“nếu thôn muốn nhận tiền bồi thường đối với diện tích đất tạm giao phải quy chủ là cá nhân sử dụng đất thì mới được bồi thường”*.

Sau khi xin chủ trương, chỉ đạo của Đ về công tác bồi thường như trên, lãnh đạo thôn Đ đã tiến hành triển khai họp bàn và cử cán bộ thôn đứng tên diện tích đất tạm giao bị thu hồi để lấy tiền bồi thường về cho tập thể, cụ thể:

Đối với thôn Đ: Tại thời điểm Nhà nước có chủ trương thu hồi đất năm 2008, đối với đất tạm giao do HTX thôn Đông quản lý thì các hộ dân nhận khoán tại khu Đ, đồng Khoa Học và vẫn đang canh tác, sử dụng, do vậy khi Nhà nước có chủ trương, kế hoạch thu hồi đất để làm đường QL3 mới, HTX thôn Đ đã thông báo trên loa phát thanh của thôn đề nghị các hộ dân canh tác hết vụ mùa năm 2009 (tức là canh tác hết tháng 10/2009) để Nhà nước thu hồi đất làm đường quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên. Các hộ dân đều đồng tình thực hiện, canh tác sử dụng đất đến hết vụ mùa năm 2009 và nộp sản phẩm vụ mùa cho HTX T14.

Sau khi đề xuất và được Ban quản lý Tiểu dự án đồng ý với chủ trương cử cán bộ thôn đứng tên diện tích đất tạm giao bị thu hồi để lấy tiền bồi thường về cho tập thể, khoảng tháng 4, 5/2009 trong các cuộc họp Chi bộ thôn Đ thường kỳ, Lê Danh L2 lúc đó là Phó bí thư Chi bộ, Trưởng thôn kiêm Chủ nhiệm HTX

T14 đã đưa nội dung này ra họp bàn và được Chi bộ thống nhất việc cử một số cán bộ đảng viên, cán bộ thôn đứng tên chủ sử dụng đất tạm giao bị thu hồi để nhận tiền bồi thường về nhập quỹ của HTX thôn Đông lấy kinh phí chi cho các công việc chung của tập thể thôn. Sau đó Chi bộ thống nhất cử các ông bà, gồm: Lê Danh L2 - Trưởng thôn kiêm Chủ nhiệm HTX, Lê Đắc H - Phó Chủ nhiệm HTX, Hoàng Như N1 - Phó Chủ nhiệm HTX, Hoàng Kim T1 - Cán bộ địa chính thôn, Lê Đắc Y - Kế toán thôn, Lê Quang H1 - Thủ quỹ thôn, Nguyễn Thị T2 - Chi hội trưởng, đứng tên 83 thửa đất tạm giao của thôn Đ bị thu hồi.

Sau khi dự kiến được 8 ông bà đứng tên để nhận tiền bồi thường đối với 83 thửa đất tạm giao, Lê Danh L2 và Hoàng Kim T1 - Cán bộ địa chính thôn đã cùng lãnh đạo xã T và Nguyễn Đắc H2 - Cán bộ địa chính xã trực tiếp lên báo cáo, xin ý kiến ông Nguyễn Văn Đ - Trưởng ban quản lý tiểu dự án QL3 đề nghị cho 8 ông bà có tên trên đứng tên trong danh sách thu hồi và bồi thường để nhận tiền bồi thường về cho tập thể thôn Đ. Sau đó, Nguyễn Văn Đ đã chỉ đạo Nguyễn Trung D - chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phụ trách xã T (đồng thời là người trực tiếp tổng hợp lập danh sách và phương án bồi thường) trực tiếp chỉnh sửa danh sách bằng cách thay tên chủ sử dụng đất tạm giao thực tế được xác định trong quá trình kiểm kê, đo đạc ban đầu (Danh sách do Công ty T13 lập và được thẩm định nghiệm thu ban đầu, không có tên của 8 ông, bà này) thành tên của 8 ông bà cán bộ thôn Đ (các ông bà không phải là chủ sử dụng đất thực tế). Ông Hoàng Kim T1 - cán bộ địa chính thôn Đ là người trực tiếp cầm danh sách đọc tên của 8 ông bà cán bộ thôn Đ cho Nguyễn Trung D chỉnh sửa thay tên chủ sử dụng đất của từng thửa đất tạm giao bị thu hồi trong danh sách trên máy tính và ký hiệu “HT” phía sau tên của 8 ông bà cán bộ thôn Đ để phân biệt với các thửa đất lâu dài bị thu hồi khác, nhận biết là đất do HTX quản lý. Sau đó D in lại danh sách để gửi về cho xã T tiếp tục đối chiếu, rà soát, phục vụ quá trình thẩm định trước khi niêm yết công khai để lập tờ trình, phương án bồi thường chi tiết.

Sau đó, trong quá trình thẩm định danh sách và phương án bồi thường, Ban Quản lý tiểu dự án QL3 cùng với các thành viên khác trong Tổ bồi thường xã T không thẩm định xét duyệt đối với diện tích đất tạm giao của thôn Đ bị thu hồi mà đồng ý để 8 ông bà cán bộ thôn Đ đứng tên chủ sử dụng đất tạm giao trên danh sách.

- Ngày 17/4/2009, Ban quản lý tiểu dự án QL3 lập phương án tổng thể số 01/PABT-TT về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để giao đất thực hiện dự án xây dựng Quốc lộ C mới trên địa bàn huyện Y.

- Ngày 29/5/2009, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh có Quyết định số 713/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ

khi thu hồi đất để xây dựng QL3 mới đoạn Hà Nội – Thái Nguyên (giai đoạn 1) tại huyện Y.

- Ngày 22/7/2009, UBND tỉnh Bắc Ninh có Quyết định số 1016/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để UBND huyện Y tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng Quốc lộ C mới.

- Ngày 23/7/2009, UBND huyện Y có Công văn số 09/CV-GPMB đề nghị UBND các xã V, H, Y, T công khai danh sách các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, mức bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng QL3 mới.

- Ngày 12/8/2009, UBND xã T có Công văn số 35/CV-UB về việc đề nghị UBND huyện Y thu hồi đất nông nghiệp của 923 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại xã T để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Ngày 13/8/2009, UBND huyện Y có Quyết định số 858/QĐ-UBND về việc thu hồi đất nông nghiệp của 923 lượt hộ gia đình, cá nhân tại thôn Đ, Đ2, N của xã T để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng QL3 mới.

- Ngày 23/12/2009, Đại hội xã viên HTX thôn Đ, xã T nhiệm kỳ 2010 - 2011 có Lê Đắc K - Phó Chủ tịch UBND xã đại diện tham dự họp. Tại cuộc họp đã đưa ra nghị quyết Đại hội xã viên, thống nhất kết luận: *“Khu khoán cao Khoa học của xã viên có đường QL3 đi qua trả cho xã viên, số còn lại giao cho cán bộ thôn đứng tên để thu cho tập thể. Đại hội biểu quyết nhất trí”*.

Căn cứ vào kết quả thẩm định và công khai danh sách ngày 06/01/2010 Ban Quản lý tiểu dự án QL3 lập phương án bồi thường chi tiết số 04/PABTHT. Trên cơ sở phương án bồi thường số 04, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T12 đã lập tờ trình đề nghị Hội đồng bồi thường GPMB QL3 và lãnh đạo UBND huyện Y ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường chi tiết kèm theo danh sách các thửa đất bị thu hồi và Bảng tổng hợp kinh phí chi trả bồi thường trong đó có tên của 8 ông bà cán bộ thôn Đ đứng tên chủ sử dụng đất tạm giao bị thu hồi.

- Tháng 01/2010, Hội đồng bồi thường QL3 cùng cán bộ UBND xã, cán bộ thôn và chủ sử dụng đất lập biên bản áp giá bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp bị thu hồi dự án xây dựng QL3 mới.

- Ngày 25/01/2010, UBND xã T lập biên bản kết thúc niêm yết công khai Phương án chi tiết về bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng QL3 và xây dựng bãi nghĩa địa tập trung phục vụ GPMB xây dựng QL3 trên địa bàn xã T.

- Ngày 29/01/2010, UBND huyện Y có Quyết định số 201/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, giao đất

để xây dựng QL3 mới và bãi nghĩa địa phục vụ GPMB xây dựng QL3 trên địa bàn xã T.

- Ngày 22/2/2010, Hội đồng bồi thường GPMB QL3 huyện Y có Kế hoạch số 81/KH-GPMB về việc Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB và bàn giao mặt bằng công trình xây dựng mới QL3.

- Tháng 3/2010, Ban quản lý Tiểu dự án QL3 đã thực hiện việc chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân có đất giao lâu dài bị thu hồi trên địa bàn thôn Đ. Còn đối với đất tạm giao thì tháng 6/2010, 8 ông bà cán bộ thôn Đ đứng tên nhận tiền bồi thường đất tạm giao trực tiếp đến Ban quản lý tiểu dự án QL3 tại Phòng Công thương huyện Y nhận tiền bồi thường với tổng diện tích đất tạm giao 15.778m² với số tiền là 411.339.800đ.

Căn cứ vào danh sách các hộ gia đình cá nhân có đất bị thu hồi, bảng kinh phí bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và Danh sách lĩnh tiền bồi thường của thôn Đ, xã T được phê duyệt và đã chi trả tiền xác định: 8 ông bà cán bộ thôn Đ đã đứng tên 83 thửa đất bị thu hồi và được phê duyệt chi trả tiền bồi thường. Trong đó:

- 02 thửa đất sử dụng lâu dài của bà Nguyễn Thị T9 và ông Lê Quang P do ông Lê Quang H1 và bà Nguyễn Thị T2 đứng tên trong danh sách bồi thường và được phê duyệt trong phương án bồi thường là chi trả theo hình thức tạm giao gồm tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% + tiền bồi thường hoa màu nhưng sau này Hội đồng bồi thường đã điều chỉnh bổ sung trả lại kinh phí bồi thường cho chủ sử dụng đất thực tế là bà Nguyễn Thị T9 và ông Lê Quang P theo Quyết định số 3853 ngày 31/12/2010 của UBND huyện Y (*không có thiệt hại*).

- 01 thửa đất tạm giao bị thu hồi là đất Đầm Nâu do HTX thôn Đ và HTX T15 ký hợp đồng giao thầu cho ông Lê Kim T10 nhận thầu để nuôi cá do Lê Danh L2 đứng tên trong danh sách và nhận tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% = 241.162.500đ, sau đó chia cho 2 thôn Đ và Đ1. Còn tiền bồi thường hoa màu: 144.697.500đ đã trả cho hộ gia đình ông Lê Kim T10. Trường hợp này UBND huyện Y, Hội đồng bồi thường, UBND xã T, lãnh đạo thôn Đ, thôn Đ và ông T10 đã trực tiếp giải quyết căn cứ vào hợp đồng giao thầu giữa ông T10 và 2 thôn (*không có thiệt hại*).

- Còn lại 80 thửa đất tạm giao do 8 ông bà cán bộ thôn Đ đứng tên trong danh sách để nhận tiền bồi thường và nhập vào quỹ thôn Đ tổng số tiền 411.339.800đ. Trong đó có 09 thửa đất tạm giao được quy chủ trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất là “UBND xã quản lý”; 71 thửa đất tạm giao còn lại được quy chủ tên cá nhân sử dụng đất trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất.

Để xác định chính xác thiệt hại, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã yêu cầu UBND xã T và chính quyền thôn Đ, xã T tiến hành công khai bản đồ và danh sách các thửa đất tạm giao bị thu hồi tại thôn Đ, xã T làm đường Quốc lộ mới Hà Nội - Thái Nguyên năm 2008 - 2010 trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát loa truyền thanh của thôn Đ (thời gian công khai từ ngày 29/4/2023 đến hết ngày 03/5/2023) để đề nghị các hộ dân có đất tạm giao bị thu hồi ra kê khai, đối chiếu bản đồ và xác nhận vào danh sách các thửa đất tạm giao bị thu hồi. Kết quả: Trong danh sách 80 thửa đất được công khai có: 65 thửa đất tạm giao của các hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán của HTX thôn Đ; 01 thửa đất do ông Lê Đắc M2 tự vỡ hoang và 14 thửa đất tạm giao không xác định được chủ sử dụng đất.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh lấy lời khai của các hộ dân kê khai xác nhận có đất tạm giao bị thu hồi và thu thập tài liệu có liên quan xác định: Đối với 65 thửa đất tạm giao có chủ sử dụng đất thực tế là các hộ dân và hằng năm các hộ dân này đều nộp sản phẩm theo diện tích nhận khoán sau mỗi vụ thu hoạch cho HTX T14, có theo dõi trên sổ nộp sản phẩm của từng hộ gia đình do thôn cấp phát, những hộ dân này đã nộp sản đến hết vụ mùa năm 2009 (*tức là hết năm 2009*). Trong đó:

+ 01 thửa đất số 1025 tờ bản đồ số 8 tại Đ (do ông Lê Quang H1 - Thủ quỹ thôn Đ đứng tên) của gia đình bà Nguyễn Thị T2 - Chi hội trưởng hội phụ nữ thôn Đông nhận giao khoán với HTX được phê duyệt bồi thường và chi trả cho ông Lê Quang H1 số tiền 5.160.000đ (*không có thiệt hại*).

+ 01 thửa đất số 1074 tờ bản đồ số 9, diện tích thu hồi và được bồi thường là 195,1m² do ông Hoàng Như N1 - Phó Chủ nhiệm HTX đứng tên và được phê duyệt bồi thường áp giá sai sang hình thức đất lâu dài = số tiền bồi thường là 37.849.400đ (*ông N1 đã nhận và nộp tiền vào quỹ thôn Đ*). Quá trình điều tra xác định thửa đất này có nguồn gốc là đất tạm giao do gia đình ông Lê Danh C là chủ sử dụng đất thực tế tại thời điểm nhà nước thu hồi đất. Theo quy định Nhà nước chỉ phải chi trả: 11.510.900đ (70% cho UBND xã + 30% cho người sử dụng đất). Do vậy xác định thiệt hại đối với trường hợp này gồm: Thiệt hại cho Nhà nước số tiền: 26.338.500đ (phần Nhà nước đã chi trả dư theo hình thức lâu dài) + 6.828.500đ (70% trả cho ngân sách xã T) = 33.167.000 đồng; thiệt hại của gia đình ông Lê Danh C = 4.682.000 đồng. Tuy nhiên gia đình ông C đã được nhận được số tiền bồi thường 01 thửa đất lâu dài bị quy chủ sai vị trí khác, sau khi cân đối xác định gia đình ông C chỉ còn bị thiệt hại 201.000 đồng.

Như vậy đối với 64 thửa đất tạm giao tương ứng với 64 hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán của HTX thôn Đ2 và trực tiếp canh tác, sử dụng tại thời điểm Nhà nước ra Quyết định thu hồi đất nêu trên sẽ được Nhà nước bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% + tiền bồi thường hoa màu (9.000 đ/m²). Việc chính

quyền thôn Đ chủ cho 8 ông bà cán bộ thôn đứng tên chủ sử dụng đất để nhận số tiền bồi thường đã gây thiệt hại cho 64 hộ dân thôn Đ có đất tạm giao bị thu hồi.

- Đối với 15 thửa đất tạm giao (*trong đó: 01 thửa đất do ông Lê Đắc M2 tự vỡ hoang và 14 thửa không xác định được chủ sử dụng đất*), chính quyền thôn Đ đã quy chủ cho 8 ông bà cán bộ thôn Đ đứng tên nhận số tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% + tiền bồi thường hoa màu (9.000 đ/m²) là 47.198.400đ. Ngoài ra còn 01 thửa đất tạm giao có diện tích 68m² tại khu V bị thu hồi để làm bãi nghĩa địa tập trung phục vụ giải phóng mặt bằng QL3. Tại thời điểm thu hồi đất, HTX thôn Đ không giao khoán cho hộ dân nào canh tác, sử dụng, nhưng đã để ông Hoàng Kim T1 - cán bộ địa chính thôn Đ đứng tên chủ sử dụng để nhận số tiền bồi thường là 1.632.000đ nhập vào quỹ thôn Đ phục vụ chi cho các hoạt động của thôn. Theo quy định, Nhà nước không phải chi trả bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% + tiền bồi thường hoa màu (9.000 đ/m²) đối với 16 thửa đất tạm giao này. Việc chính quyền thôn Đ chủ cho 8 ông bà cán bộ thôn đứng tên chủ sử dụng đất để nhận tiền bồi thường đã gây thiệt hại cho Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền thiệt hại tại thôn Đ là: 411.339.800đ + 1.632.000đ – 5.160.000đ = 407.811.800đ (*trong đó, thiệt hại cho 64 hộ dân là: 321.887.400đ; thiệt hại cho Nhà nước là: 85.924.400đ*).

Đối với thôn Đ: Theo kết quả đo đạc, quy chủ đối với diện tích đất bị thu hồi của Công ty T13 và qua đối chiếu, rà soát xác định: Địa bàn thôn Đ có tổng số 43 thửa đất tạm giao bị thu hồi, trong đó có 10 hộ gia đình, cá nhân đứng tên chủ sử dụng đất thực tế của 37 thửa đất, còn lại 6 thửa đất là diện tích đất hoang hoá vô chủ.

Trên cơ sở chủ trương đã được Ban quản lý Tiểu dự án QL3 chấp nhận tại cuộc họp triển khai công tác bồi thường trên địa bàn xã T vào đầu năm 2009, ngày 15/4/2009 tại đình làng thôn Đ, ban lãnh đạo thôn và ban Q1 đã tổ chức cuộc họp thành phần gồm có: Ông Lê Duy B - Bí thư Chi bộ, ông Trần Công T6 - Trưởng thôn, ông Trần Công Đ3 - Chủ nhiệm HTX, ông Lê Duy T11 - Phó Chủ nhiệm HTX, ông Lê Hữu S - Phó Chủ nhiệm HTX (sau này làm Trưởng thôn thay ông Trần Công T6), ông Lê Xuân N4 - Thủ quỹ HTX, ông Lê Duy T7 - Kế toán HTX (hiện nay đã chết). Cuộc họp thống nhất cử 03 cán bộ thôn gồm: Lê Duy T11 - Phó Chủ nhiệm HTX, ông Lê Hữu S - Phó Chủ nhiệm HTX, ông Lê Xuân N4 - Thủ quỹ HTX đứng tên 6 thửa đất tạm giao, với tổng diện tích thu hồi là 1.289,6 m² là đất thũng vũng không có ai canh tác tại đồng Sinh C, Mô Đ4, C thuộc địa phận thôn Đ để lấy tiền về cho tập thể thôn. Sau đó ông Trần Công T6 - Trưởng thôn Đoàn mang biên bản Hội nghị lên gặp Nguyễn Văn T4 - Chủ tịch UBND xã T báo cáo và ký xác nhận. Sau khi T4 ký xác nhận, ông T6 gửi cho Nguyễn Trung D - Cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường, phụ trách xã T để thay tên các chủ sử dụng đất tạm giao ban đầu thành tên của 3 cán bộ

thôn Đ trong danh sách bồi thường (Danh sách do Công ty T13 lập và được thẩm định, nghiệm thu ban đầu không có tên các ông bà này).

Quá trình lập hồ sơ áp giá bồi thường chi tiết (Gồm biên bản kiểm kê, biên bản áp giá và hồ sơ kỹ thuật thửa đất), ông Trần Công Đ3 - Chủ nhiệm HTX T15 và Nguyễn Đắc H2 - cán bộ địa chính xã T đã gạch, xoá tên người chủ sử dụng đất ban đầu theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và viết tên của cán bộ thôn Đ đứng tên. Sau đó H2 trình Lê Đắc K - Phó Chủ tịch xã T ký xác nhận vào 04 biên bản kiểm kê của 04 thửa đất tạm giao do ông Lê Hữu S và ông Lê Xuân N4 đứng tên. Còn 02 thửa ông Lê Duy T11 đứng tên do Nguyễn Văn T4 ký biên bản kiểm kê.

Sau đó HĐBT, Ban Quản lý Tiểu dự án QL3 đã phê duyệt bồi thường và chi trả cho 3 cán bộ thôn Đ đứng tên chủ sử dụng 6 thửa đất có nguồn gốc là đất hoang hóa không có ai canh tác tại thời điểm thu hồi đất, với tổng số tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% + tiền bồi thường hoa màu trên đất = 25.202.800đ. Sau khi nhận tiền ông S, và ông N4 nhập toàn bộ vào quỹ xây dựng của HTX thôn Đ1 và dùng số tiền trên để chi cho các công việc chung của thôn Đ (Cơ quan điều tra đã thu được sổ quỹ tiền mặt xây dựng do ông Lê Xuân N4 lập và ghi chép các khoản tiền đất tạm giao nộp vào quỹ như trên).

Ngoài ra còn có 500m² đất tạm giao tại khu Đ, thôn Đ do HTX thôn Đoàn quản lý nhưng tại thời điểm thu hồi đất để làm bãi nghĩa địa tập trung phục vụ giải phóng mặt bằng QL3 thì HTX không giao thầu cho hộ gia đình cá nhân nào sử dụng. Sau đó, ông Trần Công Đ3 - Chủ nhiệm HTX T15 đứng tên chủ sử dụng đất để nhận tiền bồi thường 9.510.000đ, số tiền này ông Lê Xuân N4 - Thủ quỹ thôn Đ là người trực tiếp đi nhận sau đó nhập vào quỹ thôn phục vụ cho các hoạt động sản xuất trong thôn.

Đối với 37 thửa đất tạm giao do 10 hộ gia đình, cá nhân trực tiếp nhận giao khoán của HTX và đứng tên trong danh sách bồi thường, khi Ban quản lý tiểu dự án QL3 tiến hành chi trả tiền thì ông Lê Hữu S - Trưởng thôn đã trực tiếp đến Ban quản lý tiểu dự án để nhận tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% + tiền bồi thường hoa màu trên đất của diện tích đất tạm giao này là: 145.050.500đ. Sau khi nhận tiền thì ông S không đưa cho các hộ dân mà nhập vào quỹ thôn. Các hộ dân không đồng ý và có đơn gửi UBND xã T đề nghị được nhận tiền, do vậy Lê Đắc K - Phó Chủ tịch xã cùng với Nguyễn Đắc H2 - cán bộ địa chính xã T đã làm việc, chỉ đạo lãnh đạo thôn Đ thoả thuận với các hộ dân, nếu các hộ dân đồng ý thì số tiền bồi thường đất tạm giao sẽ để quỹ thôn Đ sử dụng cho địa phương, còn nếu không thoả thuận được thì thôn phải trả lại tiền bồi thường cho các hộ dân. Do không thoả thuận được với các hộ dân nên lãnh đạo thôn Đ trả lại toàn bộ số tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất và tiền bồi thường hoa màu cho 10 hộ dân này, do vậy không có thiệt hại cho các hộ dân.

Như vậy, trong công tác lập hồ sơ bồi thường đất tạm giao tại thôn Đ đã gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền là $25.202.800đ + 9.510.000đ = 34.712.800đ$.

Toàn bộ số tiền thu được thôn Đ và thôn Đ đều nhập vào quỹ thôn và sử dụng chung vào các công việc của thôn. Trong đó có xây dựng, tu bổ chùa H4.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh xác định Cầu Cơ quan chuyên môn xác định thiệt hại do hành vi vi phạm về bồi thường, hỗ trợ trái quy định trong quá trình thực hiện dự án đường QL3 mới tại xã T, huyện Y.

- Tại Công văn số 20/STNMT-QLĐĐ,ĐĐ&BĐ ngày 24/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh xác định: “*Căn cứ vào các quy định của pháp luật về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và kết quả điều tra xác minh của Cơ quan điều tra thì các hộ gia đình, cá nhân thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã (đất tạm giao) và đang sử dụng đất theo quy định khi nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường thiệt hại về hoa màu và tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30%.*

Trường hợp các thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã (đất tạm giao) mà chưa cho hộ gia đình thuê đất theo quy định (UBND xã quản lý), khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường thiệt hại về hoa màu và tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30%.

Việc thôn Đ tên các thửa đất trên cho 8 ông bà cán bộ thôn Đ (không phải là chủ sử dụng đất thực tế) để nhận tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% và tiền bồi thường thiệt hại về hoa màu về cho tập thể thôn, đề nghị Cơ quan điều tra căn cứ vào kết quả điều tra để xem xét theo quy định”.

- Tại Công văn số 672/SVHTTDL-QLVH ngày 02/6/2022, Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh xác định: “Chùa H4 thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh nằm trong danh mục kiểm kê di tích được UBND tỉnh Bắc Ninh công bố năm 2020. Tuy nhiên, chùa H4 chưa được xếp hạng di tích”.

- Tại Công văn số 750/SVHTTDL-QLVH ngày 17/6/2022, Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh xác định: “Qua hồ sơ lưu trữ tại Sở và đơn vị Ban quản lý di tích tỉnh, giai đoạn 2008 – 2010, Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh không nhận được hồ sơ đề nghị về tu bổ, tôn tạo chùa H4, xã T, huyện Y”.

Xác định thiệt hại: Kết quả điều tra xác định: Quá trình thực hiện việc quy chủ cho những người không thực tế sử dụng diện tích đất tạm giao tại thời điểm Nhà nước thu hồi để nhận tiền bồi thường các chi phí đầu tư vào đất và bồi thường thiệt hại về hoa màu tại địa bàn thôn G và thôn Đ thuộc xã T, huyện Y

đã gây thiệt hại tổng số tiền: 442.524.600đ (thôn Đ: 407.811.800 đ, thôn Đ: 34.712.800đ), trong đó: Nhà nước bị thiệt hại: 34.712.800đ (thôn Đ) + 85.924.400đ (thôn Đ) = 120.637.200đ; các cá nhân, hộ gia đình thiệt hại: 321.887.400đ.

Quá trình điều tra các bị cáo Lê Danh L2, Nguyễn Đắc H2, Nguyễn Văn T4, Lê Đắc K đã tự nguyện giao nộp tổng số tiền 230.517.000đ (trong đó: Luận nộp 50.000.000đ; H2 nộp 30.000.000đ; T4 nộp 100.000.000đ; K giao nộp 50.517.000đ) để khắc phục hậu quả.

Các ông Trần Công T6 và Lê Hữu S - Nguyên Trưởng thôn Đoài, xã T đại diện cho các cán bộ thôn Đ năm 2009 - 2010 đã tự nguyện giao nộp 34.800.000 đồng khắc phục hậu quả cho hành vi sai phạm xảy ra tại thôn Đ, xã T.

Các ông, bà Nguyễn Thị T2, ông Lê Đắc H, Hoàng Như N1, Hoàng Kim T1, Lê Đắc Y, Lê Quang H1 là 07 ông bà nguyên là cán bộ thôn Đ, xã T giai đoạn năm 2008 - 2010 đứng tên nhận tiền bồi thường tự nguyện giao nộp 266.000.000đ khắc phục hậu quả cho hành vi sai phạm (mỗi người giao nộp 38.000.000đ).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2023/HS-ST ngày 14/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh quyết định:

I. Tuyên bố bị cáo Lê Đắc K phạm tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lê Đắc K 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Đắc K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

II. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự. Các Điều 584; 585; 587; 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường, hoàn trả cho 60 hộ gia đình tại thôn Đ, xã T, huyện Y tổng số tiền là 321.887.400đ (Ba trăm hai mươi một triệu, tám trăm tám bảy nghìn, bốn trăm đồng), trong đó bồi thường cho hộ gia đình ông Lê Duy M số tiền 5.076.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt của các bị cáo khác, trách nhiệm bồi thường đối với các hộ gia đình khác, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2023, người bị hại ông Lê Duy M có đơn kháng cáo với các nội dung: Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Đắc K, bỏ lọt tội phạm đối

với 07 cá nhân gồm: Ông Lê Đắc Y, ông Hoàng Kim T1, ông Lê Đăng L1, ông Lê Đắc H, ông Lê Quang H1, ông Hoàng Như N1, bà Nguyễn Thị T2; không đồng ý với mức bồi thường là 5.076.000 đồng, đề nghị được bồi thường theo giá thu hồi đất nông nghiệp tại thời điểm xét xử vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Duy M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;
- Bị cáo Lê Đắc K khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi mà bản án sơ thẩm đã kết án;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết liên quan đến vụ án và kháng cáo của ông Lê Duy M có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Duy M. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của ông Lê Duy M trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Các cơ quan và người tiến hành tố tụng của tỉnh Bắc Ninh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định: Từ năm 2008 - 2010, trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng và bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên trên địa bàn xã T, huyện Y, một số cán bộ của thôn Đ, thôn Đ, cán bộ, công chức của UBND xã T, huyện Y đồng thời là thành viên của Tổ bồi thường xã T, Ban Q dự án Quốc lộ C đã có những sai phạm trong việc chi trả tiền bồi thường đối với các diện tích đất công ích (đất tạm giao) đã giao khoán cho cá nhân, hộ gia đình sử dụng hoặc đất hoang hóa, vô chủ tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất, cụ thể:

[3.1] Tại thời điểm xảy ra tội phạm, Lê Đắc K với cương vị là Phó Chủ tịch xã, Tổ phó Tổ bồi thường được giao nhiệm vụ kiểm đếm, xác nhận hồ sơ đất đai, phối hợp tạo điều kiện chi trả tiền bồi thường, giải quyết các vướng mắc

trong quá trình công khai danh sách và chi trả tiền. Quá trình thực hiện K biết chủ trương và đồng ý cho các thôn Đ, Đ1 thực hiện theo chủ trương, lập hồ sơ bồi thường sai đối tượng (Khanh tham gia cuộc họp đầu năm 2009 của ban Q dự án, tham dự Đại hội xã viên thôn Đ vào ngày 23/12/2009 nghe việc thống nhất chủ trương của thôn giao cho cán bộ đứng tên diện tích đất tạm giao để nhận tiền bồi thường về cho thôn; Ký vào biên bản kiểm kê quy chủ sai cho 4 thửa đất tạm giao của thôn Đ; làm việc và chỉ đạo thôn Đ giải quyết khiếu kiện của người dân về việc quy chủ sai để nhận tiền về cho tập thể thôn Đ).

[3.2] Hành vi của Lê Đắc K và các bị án khác đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng QL3, đồng ý chủ trương và cho thực hiện việc quy chủ không đúng đối tượng, chi trả sai đối tượng đối với diện tích đất tạm giao tại thôn Đ, thôn Đ gây thiệt hại tổng số tiền là 442.524.600 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Lê Đắc K và các bị án khác về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự có hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của ông Lê Duy M:

[4.1] Kháng cáo về việc tăng nặng hình phạt với bị cáo Lê Đắc K.

Hành vi phạm tội của bị cáo K và các bị án khác là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật về đất đai khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, bị cáo K phạm tội không vì động cơ, mục đích vụ lợi tư túi cho bản thân mà vì lợi ích cho tập thể. Bị cáo K cũng không phải là người đề xuất chủ trương và cũng không phải là người đồng ý, phê duyệt và hướng dẫn thực hiện chủ trương, chỉ là trung gian cầu nối thực hiện theo chủ trương giữa các thôn và Tiểu ban quản lý dự án, hợp thức hóa các tài liệu để hoàn thiện các thủ tục. Bị cáo K có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có thời gian tham gia quân đội, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo luôn thành khẩn khai nhận, có thái độ ăn năn hối cải; tích cực khắc phục hậu quả về hành vi phạm tội của mình (*K đã nộp số tiền 50.517.000 đồng, được trả lại 13.517.000 đồng theo quyết định của Bản án sơ thẩm*); trong quá trình công tác bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh tặng 02 bằng khen và nhiều giấy khen vì có nhiều đóng góp, thành tích xuất sắc trong việc phát triển kinh tế địa phương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, hậu quả thiệt hại cho Nhà nước và công dân trong vụ án đã được các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ khắc phục hoàn toàn, đại diện chính quyền, ban ngành đoàn thể thôn Đ và một bộ phận người dân thôn Đ cũng như ý kiến của một số bị hại tại phiên tòa sơ thẩm và ý kiến của đại diện

UBND huyện Y đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo vì các bị cáo có sai phạm nhưng không có tư lợi cá nhân mà chỉ vì lợi ích của tập thể. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1 Điều 51 và 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự và Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 24 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là phù hợp.

[4.2] Kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm đối với 07 cá nhân gồm: Ông Lê Đắc Y, ông Hoàng Kim T1, ông Lê Đăng L1, ông Lê Đắc H, ông Lê Quang H1, ông Hoàng Như N1, bà Nguyễn Thị T2;

Đối với hành vi của 07 ông bà: Lê Đắc Y; Hoàng Kim T1; Lê Đăng L1; Lê Đắc H; Lê Quang H1; Hoàng Như N1; Nguyễn Thị T2 là sai, có hành vi giúp sức cho bị cáo Lê Danh L2 vi phạm các quy định của pháp luật về bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên trước khi đưa ra chủ trương được nhận tiền bồi thường đất tạm giao về cho thôn với Ban quản lý Tiểu dự án, Lê Danh L2 không trao đổi, bàn bạc trước, chỉ sau khi đã có chủ trương cho phép những ông bà nêu trên mới được biết và thực hiện theo chủ trương chung, là cấp dưới thực hiện theo chủ trương và theo sự chỉ đạo của cấp trên, không có động cơ mục đích tư lợi. Toàn bộ số tiền nhận được đã nhập vào quỹ thôn. Quá trình điều tra, các ông, bà đã nhận thức được hành vi giúp cho Lê Danh L2 thực hiện sai quy định của Nhà nước về bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến gây thiệt hại cho cá nhân và Nhà nước nên đã tự nguyện nộp mỗi người 38.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Hậu quả vụ án đã được khắc phục triệt để. Do vậy các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Bắc Ninh không xử lý về hình sự là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[4.3] Kháng cáo về việc đề nghị được bồi thường theo giá thu hồi đất nông nghiệp tại thời điểm xét xử vụ án, không đồng ý với mức bồi thường là 5.076.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu được các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bắc Ninh đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã xác định được 60 hộ gia đình trực tiếp nhận khoán thầu và canh tác trên 64 thửa đất công ích (đất tạm giao) ở các khu vực đồng Ó, đồng khoa học, đồng C tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án. Tổng số tiền thiệt hại của các hộ là: 321.887.400 đồng. Trong đó có hộ gia đình ông Lê Duy M được quy chủ đối với thửa số 1047, tờ bản đồ số 9, xứ Đ, diện tích 257,1m², diện tích thu hồi 211,5m² bị thiệt hại tổng số tiền 5.076.000 đồng, trong đó số tiền bồi thường tương ứng với 30% kinh phí bồi thường là 3.172.500 đồng và tiền bồi thường hoa màu tạm giao là 1.903.500 đồng. Khi xác định thiệt hại của các hộ gia đình trong đó có hộ gia đình ông M cơ quan điều tra

đã lập danh sách và xác định chi tiết thiệt hại theo quy định về số tiền được bồi thường của các hộ theo số thửa đất, diện tích đất, tờ bản đồ; số tiền bồi thường 30% chi phí đầu tư vào đất và số tiền bồi thường về thiệt hại hoa màu trên đất là có căn cứ, chính xác và đúng quy định của pháp luật. Việc gia đình ông Lê Duy M chỉ là người nhận khoán thuê, canh tác trên đất của Hợp tác xã nhưng ông lại kháng cáo cho rằng phải được bồi thường theo giá đất nông nghiệp bị thu hồi tại thời điểm xét xử vụ án là không có căn cứ.

[4.5] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Duy M. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo. Do không được chấp nhận kháng cáo về phần dân sự, ông Lê Duy M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Duy M về các nội dung: Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Đắc K; bỏ lọt tội phạm đối với 07 cá nhân gồm: Ông Lê Đắc Y, ông Hoàng Kim T1, ông Lê Đăng L1, ông Lê Đắc H, ông Lê Quang H1, ông Hoàng Như N1, bà Nguyễn Thị T2; không đồng ý với mức bồi thường là 5.076.000 đồng, đề nghị được bồi thường theo giá thu hồi đất nông nghiệp tại thời điểm xét xử vụ án.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2023/HS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh như sau:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lê Đắc K 24 tháng tù về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Đắc K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Lê Đắc K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp các bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự. Các Điều 584; 585; 587; 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường, hoàn trả cho 60 hộ gia đình tại thôn Đ, xã T, huyện Y tổng số tiền là 321.887.400đ (Ba trăm hai mươi một triệu, tám trăm tám bảy nghìn, bốn trăm đồng), trong đó bồi thường cho hộ gia đình ông Lê Duy M số tiền 5.076.000 đồng (Theo danh sách tổng hợp kinh phí thiệt hại của các hộ dân kèm theo bản án: Gia đình ông Lê Duy M có số thứ tự 50).

4. Về án phí: Ông Lê Duy M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000421 ngày 04/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Cục Hồ sơ nghiệp vụ - Bộ Công an;
- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- Công an tỉnh Bắc Ninh
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh
- Bị cáo Lê Đức Khanh (theo địa chỉ);
- Bị hại Lê Duy May (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh